

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 3 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn và

tranh chấp tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Chuộng

2. Bà Lê Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thu T, sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp X, xã Thạnh X, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Cao Thanh T, sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp X, xã Thạnh X, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2024, bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn Chị Trần Thu T trình bày: Chị và anh Cao Văn Tùng tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 19/4/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh X, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ cũ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc một thời gian, đến tháng 09/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Chị thấy không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh Cao Thanh T.

Về con chung: Có 02 con chung là Cao Đức T (nam), sinh ngày 03/11/2000 và Cao Thị Huỳnh N (nữ), sinh ngày 22/7/1995, hiện nay con chung đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/11/2024 Chị Trần Thu T trình bày vào năm 2019 anh chị có xây dựng một căn nhà cấp bốn trên phần đất của mẹ ruột chị là bà Nguyễn Thị Ú, hiện tại phần đất này bà Ú vẫn đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá trị căn nhà khoảng 250.000.000 đồng, trong đó có cha chồng là ông Cao Văn B có cho hai vợ chồng 4m đất bán được 100.000.000 đồng, Khi ly hôn chị yêu cầu chia làm hai phần và chị nhận một phần tài sản giá trị khoảng 125.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 16/01/2025 chị rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp chị sẽ khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn anh Cao Thanh T trình bày: Anh và Chị Trần Thu T quen biết, tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 1994, đến ngày 19/4/1999 có có đăng ký kết hôn theo quy định nhưng giấy kết hôn đã thất lạc, anh có đến Ủy ban nhân dân xã Thanh H huyện Phụng Hiệp để trích lục nhưng không còn lưu trữ. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ ngày nhận con nuôi, Chị T có cử chỉ thân mật với con nuôi nên gia đình không nháp nhận việc qua lại không rõ ràng nên mới phát sinh mâu thuẫn. Anh đã nhiều lần muốn hàn gắn nhưng Chị T không đồng ý. Anh thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận anh và Chị T là vợ chồng. Ngày 17/01/2025 anh đã trích lục được giấy chứng nhận kết hôn và đã cung cấp cho Tòa án.

Về con chung: Có 02 con chung là Cao Đức T (nam), sinh ngày 03/11/2000 và Cao Thị Huỳnh N (nữ), sinh ngày 22/7/1995, hiện nay con chung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp anh sẽ khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu được ly hôn với Anh T. Anh T không đồng ý ly hôn vì muốn hàn gắn để lo cho con, các nội dung còn lại anh vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho Chị Trần Thu T được ly hôn với anh Cao Thanh T; về con chung: Có 02 con chung là Cao Đức T (nam), sinh ngày 03/11/2000 và Cao Thị Huỳnh N (nữ), sinh ngày 22/7/1995, hiện nay con chung đã trưởng thành nên đề nghị

không giải quyết; về tài sản chung: Chị T và Anh T thống nhất rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét; về nợ chung các đương sự khai thống nhất không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; về án phí: Đề nghị buộc Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thu T và anh Cao Thanh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh T và yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn; Anh T cư trú tại ấp X, xã Thạnh X, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hôn nhân giữa Chị Trần Thu T và anh Cao Thanh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh X, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ cũ vào ngày 19/4/1999 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống Chị T và Anh T phát sinh mâu thuẫn, Chị T cho rằng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nên yêu cầu được ly hôn. Anh T cho rằng mâu thuẫn là do từ ngày nhận con nuôi, Chị T có cử chỉ thân mật với con nuôi nên gia đình không chấp nhận việc qua lại không rõ ràng, anh không muốn ly hôn vì muốn lo cho con. Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên hàn gắn nhưng không thành, tại phiên tòa Chị T vẫn nhất yêu cầu được ly hôn với Anh T, chị cho rằng nếu Tòa án không cho chị ly hôn thì chị cũng không thể hàn gắn với Anh T được. Cho thấy hôn nhân giữa Chị T và Anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho Chị T được ly hôn với Anh T.

[2.2] Xét về con chung: Chị T và Anh T khai thống nhất có 02 con chung là Cao Đức T (nam), sinh ngày 03/11/2000 và Cao Thị Huỳnh N (nữ), sinh ngày 22/7/1995, hiện nay con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Quá trình tố tụng Chị T và Anh T có yêu cầu chia tài sản chung nhưng đến ngày 16/01/2025 Chị T và Anh T thống nhất rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, việc rút lại toàn bộ yêu cầu là do các đương sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Nếu sau này Chị T và Anh T có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Chị T và Anh T khai thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo quy định.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Trần Thu T được ly hôn với anh Cao Thanh T.

2. Về con chung: Do con chung là Cao Đức T (nam), sinh ngày 03/11/2000 và Cao Thị Huỳnh N (nữ), sinh ngày 22/7/1995 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của Chị Trần Thu T và anh Cao Thanh T, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Chị Trần Thu T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004757 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Chị Trần Thu T được nhận lại số tiền 3.125.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004865 ngày 11 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Chị Trần Thu T, bị đơn anh Cao Thanh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Thạnh X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Đô